TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày: 16 – 01 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Quang

Ông Hồ Thanh Tùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Thành Nghiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987; Tên gọi khác: Không có: Nơi thường trú: Ấp 7, xã B, huyện C, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Thu H; Bị cáo có 05 anh em; Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Tuyết T, Đinh Đắc Thị Cẩm H; Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền sự: Không; Tiền án: 01, ngày 20/12/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 16 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù tại trạm giam – Công an tỉnh Bình Dương vào ngày 06/12/2012 nhưng đến nay bị cáo Nguyễn Văn T vẫn chưa bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 26/7/2019 chuyển tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Trần Thị B, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Khóm 2, phường 1, thị xã N, tỉnh S (vắng mặt).

2. Lê Thị Bích N, sinh năm: 1999.

Nơi cư trú: Khóm 2, phường 1, thị xã N, tỉnh S (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan: Lê Anh N, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Khóm 2, phường 1, thị xã N, tỉnh S (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Đ (vắng mặt).

2. Dương Trọng N, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Số 49, tổ 3, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đ (vắng mặt).

3. Nguyễn Tuấn S, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Số 14/41A, Nguyễn Thị Minh K, phường A, quận N, thành phố C (vắng mặt).

4. Đỗ Thị Thu H, sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: Ấp 7, xã B, huyện C, tỉnh Đ (có mặt).

5. Bùi Châu Thanh V, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: 138/118, Trần Hưng Đạo, phường A, quận N, thành phố C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 50 phút, ngày 23/7/2019 tại quán cà phê KuBo thuộc khu vực 6, phường T, thị xã L, tỉnh H, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã L, tỉnh Hậu Giang phối hợp cùng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã N, tỉnh S tiến hành bắt quả tang bị cáo Nguyễn Văn T đang nhận số tiền 30.000.000 đồng của bà Trần Thị B nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vào ngày 21/7/2019 do có hẹn trước nên Lê Thị Bích N đi từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố C, tỉnh Đ để gặp bị cáo Nguyễn Văn T tại nhà nghỉ Huỳnh Hoa. Sau đó, Lê Thị Bích N nói với bị cáo T sẽ về thành phố Hồ Chí Minh đi làm kiếm tiền trả nợ cho người yêu cũ tên Nguyễn Tuấn S, với số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo T có hứa chuyển khoản trả nợ thay cho Bích N số tiền 30.000.000 đồng với điều kiện, Bích N phải sống chung với bị cáo. Sau đó, bị cáo T kêu Bích N cho số tài khoản, Bích N điện cho S và S cung cấp số tài khoản 0111000321188 thuộc ngân hàng Vietcombank của người bạn tên Bùi Châu Thanh V đứng tên chủ tài khoản.

Đến khoảng 19 giờ ngày 22/7/2019 bị cáo T cho Bích N biết là đã nhờ bạn gái cũ tên Nguyễn Thị Ngọc L chuyển xong số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản, nhưng Bích N liên hệ với S thì không nhận được. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Bích N tiếp tục đòi về thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo T cho rằng Bích N cùng với bạn trai lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng và đe dọa nếu Bích N về thành phố Hồ Chí Minh sẽ báo công an và giữ lấy điện thoại của Bích N không cho liên lạc với S. Do Bích N không có tiền, nên trong khoảng thời gian từ 00 giờ 01 phút đến 19 giờ 27 phút, ngày 23/7/2019 bị cáo T trực tiếp liên hệ qua điện thoại, từ số thuê bao 0815.556.166 và 0974.900.409 điện thoại tới số 0939.121.649 của bà Trần Thị B là mẹ ruột của Bích N, tổng cộng 93 cuộc và 02 tin nhắn văn bản với nội dung yêu cầu trả số tiền 30.000.000 đồng để chuộc Bích N về và uy hiếp nếu không giao tiền sẽ đưa Bích N sang Campuchia. Sau đó, bị cáo T thuê xe taxi từ tỉnh Đ cùng với Bích N về đến thị xã L, tỉnh H, trong lúc ngồi uống nước tại quán cà phê Long G, bị cáo T phát hiện Bích N nhiều lần dùng điện thoại di động để liên lạc với S nên bị cáo T đã đập làm hư hỏng điện thoại. Sau đó bị cáo liên hệ với bà B nhưng bà B cố tình kéo dài thời gian không đưa tiền chuộc nên bị cáo T tức giận yêu cầu tài xế chở Bích N quay về Đ. Khi xe vừa qua khỏi địa phận thành phố Cần Thơ, bà B điện thoại nói với bị cáo T đã có đủ tiền và hẹn gặp giao tiền tại quán cà phê Kubo nên bị cáo T đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày khi bị cáo Nguyễn Văn T đang nhận 30.000.000 đồng từ bà B tại quán cà phê Kubo thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã L, tỉnh H phối hợp cùng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã N, tỉnh S tiến hành bắt quả tang.

Căn cứ kết luận định giá tài sản ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản - UBND thị xã Long Mỹ kết luận:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu bạc, đã qua sử dụng, có giá 1.650.000 đồng.

Tổng số tiền sau khi định giá là: 1.650.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Vật chứng vụ án:

- Tiền Việt Nam: 30.139.200 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, có gắn thẻ sim số 0974.900.409, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu BVK, màu đỏ đen, có gắn thẻ sim số 0826.121.649, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, có gắn sim 0939.121.649.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu bạc, số IMEI: 35880509340349 đã qua sử dụng và bị hư hỏng.

- 01 (một) cục pin điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng và bị hư hỏng.

- 01 (một) thẻ sim nano của nhà mạng Mobiphone, không rõ số thuê bao, có số seri 8401180892069189WD, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ nhớ micro SD, có dung lượng lưu trữ 2GB, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ cào Vinaphone, mệnh giá 100.000 đồng, chưa qua sử dụng.

- 01 (một) ống thủy tinh, có bình chứa ở đầu, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) bật lửa gas, đã qua sử dụng.

- 01 (một) đoạn ống nhựa, màu trắng, dài khoảng 8cm, hàn kín một đầu, đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, mang tên Nguyễn Văn T.

- 01 (một) giấy phép đăng ký xe mô tô, biển số 66P1-047.27

* Việc xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã trả lại cho bị hại các đồ vật, tài liệu như sau:

- Tiền Việt Nam 30.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, có gắn sim 0939.121.649.

- Chuyển giao cho Đội Cảnh sát điều tra về hình sự, kinh tế và ma túy Công an thị xã Long Mỹ đề xuất xử lý theo quy định gồm:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu bạc,số IMEI: 35880509340349 đã qua sử dụng và bị hư hỏng.

- 01 (một) cục pin điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng và bị hư hỏng.

Tại cáo trạng số 02/CT-VKS-TXLM, ngày 19/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh H quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh H để xét xử về "Tội cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm "Tội cưỡng đoạt tài sản".

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Kiểm sát viên cũng đã có ý kiến khi trình bày lời luận tội: Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo T và bị Lê Thị Bích N và đập điện thoại di động của bị cáo T, đã chuyển cơ quan Công an xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa,

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Đối với bị hại Trần Thị B, Lê Thị Bích N; Người làm chứng Nguyễn Hữu Q có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với người làm chứng Dương Trọng N, Nguyễn Tuấn S, Bùi Châu Thanh V vắng mặt không lý do; Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các đương sự đã cung cấp lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

[2.2] Về tư cách tham gia tố tụng, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thị xã L xác định ông Lê Anh N và bà Trần Thị B là bị hại. Tuy nhiên qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận uy hiếp tinh thần của Lê Thị Bích N để yêu cầu bà Trần Thị B đưa số tiền 30.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự hình sự năm 2015 xác định bà Trần Thị B và Lê Thị Bích N là bị hại.

[3] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với nội dung bản cáo trạng, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 23/7/2019 Nguyễn Văn T dùng lời nói và hành động đe dọa để uy hiếp tinh thần của bà Trần Thị B và Lê Thị Bích N nhằm chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng.

Trong lúc nhận số tiền 30.000.000 đồng từ bà B thì bị cáo T bị Công an bắt quả tang. Như vậy hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành "Tội cưỡng đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, có cơ sở xác định cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy, ngày 20/12/2011 T bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 16 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù tại trạm giam – Công an tỉnh B vào ngày 06/12/2012 nhưng đến nay bị cáo Nguyễn Văn T vẫn chưa bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại nên chưa được xóa án tích. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm" thuộc tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại cũng yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

[6] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T đã từng có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã được giáo dục, cải tạo, bị cáo có trình độ học vấn, nhận thức rõ bất cứ hành vi, thủ đoạn nào nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, đều vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, lần phạm tội này, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đối với bị cáo.

Nên xét đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo là cơ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị B không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[8.1] Đối với các vật chứng là Tiền Việt Nam: 139.200 đồng (Một trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng); 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) giấy đăng ký xe môtô, biển số 66P1-047.27; 01 (một)

thẻ sim nano của nhà mạng Mobiphone, không rõ số thuê bao, có số seri 8401180892069189WD, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ nhớ micro SD, có dung lượng lưu trữ 2GB, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ cào Vinaphone, mệnh giá 100.000 đồng, chưa sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu BVK, màu đỏ-đen, có gắn thẻ sim số 0826.845.176, đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

[8.2] Đối với các vật chứng: 01 (một) ống thủy tinh, có bình chứa ở đầu, đã qua sử dụng; 02 (hai) bật lửa gas, đã qua sử dụng; 01 (một) nắp nhựa màu đỏ; gắn liền với một đoạn ống nhựa, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn ống nhựa, màu trắng, dài khoảng 8cm, hàn kín một đầu, đã qua sử dụng; Xét thấy, các vật chứng này bị cáo dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8.3] Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, có gắn thẻ sim số 0974.900.409, đã qua sử dụng; 02 (hai) thẻ sim nano của nhà mạng Vinaphone, không rõ số thuê bao, có số seri 898402000106546342 45 và 8984020001066640 1971, đã qua sử dụng; Qua quá trình điều tra xác định được bị cáo sử dụng liên lạc để yêu cầu bị hại giao tiền, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[9] Đối với Nguyễn Hữu Q, là tài xế điều khiển xe ô tô dịch vụ, biển kiểm soát 66A-055.42, được Nguyễn Văn T thuê chở đi từ thành phố C, tỉnh Đ đến thị xã L, tỉnh H, để thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 23/7/2019. Đối với Nguyễn Tuấn S đã cung cấp số tài khoản 0111000321188 thuộc Ngân hàng Vietcombank, do Bùi Châu Thanh V đứng tên chủ tài khoản, cho Lê Thị Bích N để nhận số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 22/7/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Tuấn S và Bùi Châu Thanh V chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm với vai trò là đồng phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L không xử lý là có cơ sở.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 và Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm "Tội cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/7/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 *(bốn mươi lăm)* để đảm bảo thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị B không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[3] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T:

+ Tiền Việt Nam: 139.200 đồng (Một trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng);

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, mang tên Nguyễn Văn T;

+ 01 (một) giấy đăng ký xe môtô, biển số 66P1-047.27.

+ 01 (một) thẻ sim nano của nhà mạng Mobiphone, không rõ số thuê bao, có số seri 8401180892069189WD, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) thẻ nhớ micro SD, có dung lượng lưu trữ 2GB, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) thẻ cào Vinaphone, mệnh giá 100.000 đồng, chưa sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu BVK, màu đỏ-đen, có gắn thẻ sim số 0826.845.176, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) ống thủy tinh, có bình chứa ở đầu, đã qua sử dụng;

+ 02 (hai) bật lửa gas, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) nắp nhựa màu đỏ; gắn liền với một đoạn ống nhựa, màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) đoạn ống nhựa, màu trắng, dài khoảng 8cm, hàn kín một đầu, đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, có gắn thẻ sim số 0974.900.409, đã qua sử dụng;

+ 02 (hai) thẻ sim nano của nhà mạng Vinaphone, không rõ số thuê bao, có số seri 89840200010654634245 và 89840200010666401971, đã qua sử dụng;

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 23; Điều 26 và Danh mục án phí của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 16/01/2020). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân tại xã phường nơi bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thanh Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở TP tỉnh HG;
- VKSND TX.Long Mỹ;
- Công an TX.Long Mỹ;
- CCTHADS TX.Long Mỹ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu HSVA; VP.